



### \*Cấu trúc 8: Các dạng viết lại câu với thì Hiện tại hoàn thành

**Dạng 1: . Hiện tại hoàn thành -> quá khứ đơn với started /began :**

**S + have/ has + Vpp + for + khoảng thời gian**

( hoặc since + mốc thời gian

hoặc since + QKD).

=> **S + started/ began + Ving/ -ed + khoảng thời gian + ago**

(hoặc bỏ since chỉ dùng mốc thời gian

hoặc thay since + QKD -> when S Vqkd)

Vd: I have worked in this company for 10 years

-> I started/began working in this company 10 years ago

**\*Cách chuyển:**

**1. bỏ have/has đi,**

**2. Vp2 chuyển thành V-ing sau started/began**

**S + have/has + Vp2 +(thời gian)**

-> **S + started/began + V-ing + (thời gian )**

**3. Thời gian chuyển theo lưu ý dưới đây**

chuyển thời gian từ thì HTHT sang QKD có 3 trường hợp:

1. for + khoảng thời gian -> khoảng thời gian + ago

vd: **for 2 days-> two days ago**

2. Since + mốc thời gian -> bỏ since đi, chỉ giữ lại mốc thời gian

Vd: **since last week -> last week**

3. Since + mệnh đề quá khứ -> when + mệnh đề quá khứ

Vd: **since we moved here -> when we moved here**

**1. She has painted her house since last week**

-> she **began...**

**2. They have lived here for ten years**

->They started .....

**3. I have read that book for two days**

->I began .....

#### 4. He has swum since I came back home

-> He started .....

#### 5. Lan has worked in this hospital since last year

-> Lan began .....

#### 6. I have done my homework for 1 hour

-> I started .....

#### 7. We have eaten breakfast since we finished our morning exercise

-> We began .....

#### Câu khó: They have spent 2 hours drawing that picture

-> They started .....

\* Chuyển ngược lại:

Quá khứ đơn với **started/began + V-ing** -> **HTHT ( S + Vp2)**

have/has  
✓

Cách chuyển: 1. Bỏ **started/began** đi ;

**2. V-ing chuyển thành have/has + Vp2**

**S + started/began + V-ing**

**-> S + have/has + Vp2**

**3. thời gian (chuyển ngược tương ứng):**

khoảng thời gian +ago -> for + khoảng thời gian . vd: 2 days ago -> for 2 days

Last +thời gian -> since + last + thời gian . vd: last month -> since last month

When + QKD -> since + QKD . vd: when I got up -> since I got up

#### 1. I started reading this book two weeks ago

→ I have read this book for two weeks

#### 2. He began playing tennis when I woke up

→ .....

#### 3. They started planting the flowers last week

→ .....

4. **We started cooking this meal a long time ago**  
→ We .....
5. **She began swimming at 5 o'clock**  
→ She .....
6. **Did you start drawing your picture last Monday?**  
→ Have.....
7. **Did she begin singing that song two hours ago?**  
→ Has .....